

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 19 - 5 - 2020

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hùng.

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Hoanh.

Thư ký tòa án: Ông Trần Tiến Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi: Bà Hoàng Thị Thương Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2020/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2020, về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Anh Lê Anh Q1, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Y, xã A, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 12 năm 2019, bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Tôi và anh Lê Anh Q1 tự nguyện yêu thương nhau, ngày 19/9/2017 chúng tôi đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Q1 không có việc làm ổn định hay ăn chơi, không lo cho vợ. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu ly hôn đối với anh Q1.

- Con chung: Không có.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Tại bản trình bày anh Lê Anh Q1 trình bày: Tôi đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc D.

- Con chung: Không có.

- Tài sản chung: Không có.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M:* Tòa án thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo quyền cho các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 21; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc D.

- Tuyên xử: Chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn anh Lê Anh Q1.

- Con chung: Không có.

- Tài sản chung: Không có.

Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện M thụ lý, giải quyết yêu cầu ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Lê Anh Q1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy chị Nguyễn Thị Ngọc D, anh Lê Anh Q1 tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện M vào ngày 19 tháng 9 năm 2017 theo đúng qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, được UBND xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị D, anh Q1 chung sống với nhau tại nhà cha mẹ của anh Q1 tại xã A, huyện M, trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ với nhau, từ tháng 1 năm 2019 vợ chồng sống ly thân với nhau, nay chị D xin ly hôn anh Q1 đồng ý ly hôn với chị D. Hội đồng xét xử thấy tình cảm, hạnh phúc giữa chị D, anh Q1 không còn nên, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị Ngọc D ly hôn anh Lê Anh Q1.

[3] Con chung: Chưa có.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Không có.

[5] Án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273; điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc D.

- Tuyên xử: Chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn anh Lê Anh Q1.

- Về con chung: Chưa có.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0004498, ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nhà, tại UBND xã nơi cư trú và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hải Nam